TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2025/HS-PT
Ngày 03-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Các Thẩm phán: Ông Phan Ngọc Minh.
Ông Lê Quang Toại.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đại Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 43/2025/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025 do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2024/HS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Quốc H, sinh ngày 02/6/1986 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn A, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nhân viên môi giới bất động sản; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T và bà Lê Thị H1; vợ: Nguyễn Thị T1; có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/5/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 12/2020, bà Dương Thị Minh T2 (sinh năm 1944, trú tại tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ) mang 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy CNQSDĐ) gồm 01 Giấy CNQSDĐ thổ cư, 02 Giấy CNQSDĐ nông nghiệp mang tên Dương Thị Minh T2 và 01 Giấy CNQSDĐ thổ cư, 01 Giấy CNQSDĐ nông nghiệp mang tên Dương Thị N đến Trung tâm một cửa thuộc UBND thị xã Đ để làm thủ tục gia hạn quyền sử dụng đất thì gặp Trần Quốc H –

là nhân viên môi giới bất động sản, H đặt vấn đề nhận giúp làm thủ tục với chi phí 2.500.000 đồng, sau khi thực hiện xong việc gia hạn H mang các Giấy CNQSDĐ đến nhà bà Lê Thị Y (sinh năm 1954, trú tại thôn Q, xã P, thị xã Đ, là thông sui gia với bà Dương Thị Minh T2) để nhờ bà Y cất giúp vì thời điểm này bà T2 đã vào Thành phố Hồ Chí Minh bán vé số. Đến khoảng tháng 9/2021 bà T2 về nhà bà Y lấy 02 Giấy CNQSDĐ mang tên Dương Thị N đưa cho H và nhờ H làm thủ tục sang tên để bán thửa đất lấy tiền cho cháu ngoại (đây là thửa đất của vợ chồng bà Dương Thị Tuyết S - con gái bà T2 mua của bà Dương Thị N, nhưng vợ chồng bà S đã chết nên bà T2 muốn bán để lấy tiền cho cháu ngoại là con của bà S). Trần Quốc H biết thủ tục sang tên để bán thửa đất khó thực hiện được, mất nhiều thời gian và do H đang nợ tiền của nhiều người do cá độ đá bóng trên mạng nên đã nảy sinh ý định bán thửa đất của bà T2 lấy tiền trả nợ. Ngày 06/02/2022, Trần Quốc H tự ý đến nhà bà Lê Thị Y lấy 03 giấy CNQSDĐ còn lại mang tên Dương Thị Minh T2, H nói với bà Y rằng lấy về giúp cho bà T2 nên bà Y tin lời mà đưa cho H. Ngày 10/02/2022, Trần Quốc H đến Tiệm cầm đồ 68 (địa chỉ thôn T, xã Đ, huyện M) gặp bà Trần Thị P (sinh năm 1979) để cầm cố Giấy CNQSDĐ mang tên Dương Thị N (thửa đất thổ cư số 616 – phường P) để lấy tiền, tuy nhiên bà P không nhận cầm vì cho rằng Trần Quốc H không phải chủ sở hữu đối với quyền sử dụng đất thửa số 616. Do đó ngày 11/02/2022, Trần Quốc H nói với bà T2 cùng H đi làm thủ tục sang tên để bán thửa đất (thửa đất số 616) và chở bà T2 lên Văn Phòng C tại phường N, thị xã Đ. Tại Văn phòng C, Trần Quốc H đã tráo đổi thông tin thửa đất từ thửa đất số 616 mang tên Dương Thị N sang thửa đất 736 mang tên Dương Thị Minh T2 (đây là thửa đất có nhà bà T2 đang ở), bà T2 vì tuổi cao, học vấn hạn chế, không rõ các ký hiệu thửa đất và vì nghĩ rằng H sẽ giúp mình bán thửa đất mang tên Dương Thị N nên đã ký Giấy ủy quyền để H làm các thủ tục đính chính thông tin (thay đổi từ số chứng minh nhân dân sang số căn cước công dân) trong Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 736, sau khi làm xong các thủ tục đính chính thông tin đối với thửa đất số 736, bà T2 đã ký vào hợp đồng ủy quyền toàn bộ cho Trần Quốc H được quyền định đoạt đối với quyền bất động sản của thửa đất số 736.

Chiều ngày 14/02/2022, Trần Quốc H mang Giấy CNQSDĐ và Hợp đồng ủy quyền đến gặp bà Trần Thị P, vì thấy có các giấy tờ ủy quyền và có Giấy CNQSDĐ nên bà P tin tưởng nhận cầm cố quyền sử dụng đất với số tiền 120.000.000 đồng, đến ngày 15/02/2022 H tiếp tục đến cầm thêm số tiền từ 300.000.000đồng đến 350.000.000đồng, nhưng bà P nói nếu bán thì mua nên H đồng ý bán thửa đất trên cho bà P với số tiền 380.000.000 đồng (tính cả số tiền: 120.000.000 đồng mà H đã cầm cố trước đó) rồi bà P và H cùng đến Văn phòng C làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 736, sau khi ký kết bà P tiếp tục thanh toán số tiền 260.000.000 đồng cho H. Sau khi chiếm đoạt số tiền trên, Trần Quốc H bỏ trốn khỏi địa phương, cắt đứt liên lạc. Sau khi phát hiện mình bị Trần Quốc H lừa đảo, bà Dương Thị Minh T2 cùng Trần Thị P đã tố giác hành vi của Trần Quốc H đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã Đ.

Kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Đức Phổ xác định giá trị của thửa đất số 736, tờ bản đồ số 19, diện tích 1036m^2 (đất ở nông thôn 400m^2, đất trồng cây hằng năm khác 636m^2) mang tên Dương Thị Minh T2 là 178.712.000 đồng.

Quá trình xác minh tố giác, điều tra vụ án còn xác định, ngoài hành vi lừa đảo bà Dương Thị Minh T2 để sang nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 736 của bà T2 thì Trần Quốc H còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong các lần khác như sau:

* Trường hợp của bà Dương Thị Minh T2:

Quá trình quen biết và giúp bà T2 làm thủ tục gia hạn các Giấy CNQSDĐ, Trần Quốc H có chở bà T2 đến Ngân hàng N2 (A chi nhánh Đ1) để bà T2 rút tiền từ tài khoản tiết kiệm và còn lại số tiền 170.000.000 đồng, nên bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối rằng mình đang cần tiền kinh doanh bất động sản để mượn tiền của bà T2, sau khi bán được đất sẽ trả lại tiền (trên thực tế Trần Quốc H không đầu tư mua bán đất và đang nợ tiền nhiều người). Do tin tưởng H nói thật nên bà T2 đã 03 lần đến Ngân hàng rút tiền đưa cho H:

+ Lần 1 (ngày 17/01/2022) rút số tiền: 40.000.000 đồng.

+ Lần 2 (ngày 18/01/2022) rút số tiền: 30.000.000 đồng.

+ Lần 3 (ngày 20/01/2022) rút số tiền: 100.000.000 đồng.

Tổng số tiền 03 lần chiếm đoạt là 170.000.000 đồng.

* Trường hợp bà Lê Thị Y (sinh năm 1954), ông Nguyễn Lưu T3 (sinh năm 1947, cùng trú tại thôn Q, xã P, thị xã Đ):

+ Thông qua mối quan hệ thông sui gia với bà Dương Thị Minh T2, vợ chồng bà Lê Thị Y biết H thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai nên khoảng tháng 10/2021, gia đình bà Y nhờ Trần Quốc H giúp làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở, bị cáo không làm thủ tục gì nhưng yêu cầu gia đình bà Y đưa số tiền 6.000.000 đồng để đóng thuế.

+ Khoảng tháng 02/2022, Trần Quốc H tiếp tục yêu cầu gia đình bà Y đưa số tiền 18.000.000 đồng để làm thủ tục nhận Giấy CNQSDĐ.

Tổng cộng bị cáo Trần Quốc H nhận số tiền 24.000.000 đồng của bà Lê Thị Y và ông Nguyễn Lưu T3.

* Trường hợp của ông Nguyễn Lưu T4 (sinh năm 1977, trú tại thôn T, xã P, thị xã Đ):

+ Nguyễn Lưu T4 là con trai của ông Nguyễn Lưu T3, do biết Trần Quốc H làm các thủ tục đất đai cho bà Dương Thị Minh T2 và cũng đã giúp gia đình mình tách thửa nên Nguyễn Lưu T4 đã nhờ bị cáo làm thủ tục tách thửa đối với thửa đất của mình và đã đưa cho bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

* Trường hợp của ông Võ Văn D (sinh năm 1968, trú tại thôn Q, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi):

+ Khoảng tháng 02/2021, ông Võ Văn D biết Trần Quốc H có thể giúp làm các thủ tục liên quan đến đất đai nên nhờ H giúp làm Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất có nhà ở xây dựng từ tháng 10/2004 tại thôn Q, xã P. Bị cáo đã yêu cầu ông D đưa số tiền 6.000.000 đồng để làm thủ tục ban đầu.

+ Khoảng tháng 10/2021, Trần Quốc H yêu cầu ông D đưa thêm số tiền 2.000.000 đồng để đóng tiền giấy tờ đất.

+ Khoảng tháng 01/2022, Trần Quốc H tiếp tục yêu cầu ông D đưa thêm số tiền 20.000.000 đồng để đóng thuế đất.

Tổng cộng bị cáo Trần Quốc H đã nhận số tiền 28.000.000đồng của ông Võ Văn D.

* Trường hợp của bà Võ Thị T5 (sinh năm 1973, trú tại tổ dân phố Đ, phường P, thị xã Đ):

+ Tháng 02/2022 biết thông tin Trần Quốc H giúp gia đình bà Y, ông D làm các thủ tục liên quan đến Giấy CNQSDĐ nên bà Võ Thị T5 nhờ Trần Quốc H giúp làm thủ tục thay đổi thông tin trên Giấy CNQSDĐ (từ tên chồng là Nguyễn Văn T6 sang tên cho Võ Thị T5), bị cáo Trần Quốc H yêu cầu chi phí hết 15.000.000 đồng nhưng bà Võ Thị T5 đưa trước cho bị cáo số tiền 5.000.000 đồng.

* Đối với trường hợp của ông Nguyễn Văn T7 (sinh năm 1965, trú tại tổ dân phố L, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi):

+ Vào tháng 10/2021, ông Nguyễn Văn T7 ủy quyền cho Trần Quốc H giúp làm thủ tục đính chính thông tin và cấp đổi 08 Giấy CNQSDĐ, lợi dụng sự tin tưởng của ông T7, bị cáo yêu cầu và được ông T7 đưa trước số tiền 3.000.000 đồng để làm thủ tục, giấy tờ.

* Đối với trường hợp của ông Nguyễn Đình K (sinh năm 1967, trú tại tổ dân phố N, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi):

+ Khoảng tháng 11/2021 ông K có nhu cầu sang tên đối với 05 Giấy CNQSDĐ từ tên Nguyễn Thị M (mẹ ông K) sang tên ông K nên nhờ Trần Quốc H giúp, H đã yêu cầu ông K đưa số tiền 6.000.000 đồng để làm thủ tục, nhưng ông K đưa 05 Giấy CNQSDĐ và đưa trước cho bị cáo số tiền 3.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào làm xong sẽ thanh toán đủ.

* Đối với trường hợp của ông Phạm Văn S1 (sinh năm 1954, trú tại phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh):

+ Khoảng tháng 11/2020 ông S1 về quê (ở P, thị xã Đ) có gặp và nhờ Trần Quốc H làm thủ tục sang tên và cấp đổi đối với 04 Giấy CNQSDĐ (từ tên Nguyễn Thị Đ sang tên ông Phạm Văn S1), bị cáo yêu cầu đưa số tiền 6.000.000 đồng để làm thủ tục, nhưng ông S1 chỉ chuyển trước cho bị cáo số tiền 3.000.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền mà bị cáo Trần Quốc H lừa đảo chiếm đoạt của các bị hại trong vụ án là: 424.712.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2024/HS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Quốc H phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, i khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc H 06 (Sáu) năm tù, thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 17/5/2024.

Ngoài ra, còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/12/2024, bị cáo Trần Quốc H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết vụ án:*

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Quốc H về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 06 năm tù là có phần nghiêm khắc đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2024/HS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi về phần hình phạt đối với bị cáo theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2022, lợi dụng sự tin tưởng của các bị hại, bị cáo Trần Quốc H đã dùng thủ đoạn gian dối, hứa hẹn làm thủ tục liên quan đến đất đai để nhận tiền và chiếm đoạt tổng cộng số tiền 424.712.000 đồng của các bị hại Dương Thị Minh T2, Lê Thị Y, Võ Thị T5, Võ Văn D, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Đình K, Phạm Văn S1, Nguyễn Lưu Tụ .

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Quốc H về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn, hối cải; đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại và

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có ông nội là Liệt sĩ. Xét thấy, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[3] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị cáo Trần Quốc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Quốc H. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 59/2024/HS-ST ngày 28/11/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi về phần hình phạt đối với bị cáo.

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, i khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quốc H 04 (B) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 17/5/2024).

2. Về án phí: Bị cáo Trần Quốc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Giang